

Số: 11/2018/QĐST-HNGĐ

Tuyên Quang, ngày 15 tháng 01 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý 294/2017/TLST-HNGĐ ngày 25/12/2017 giữa:

* *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị H**; sinh năm 1985;

Địa chỉ: Xóm 1, xã T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

* *Bị đơn*: Anh **Trần Tuấn A**, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Xóm 1, xã T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 01 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Tuấn A.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- *Về con chung*: Giao con chung là Trần Thảo V, sinh ngày 09/4/2006 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Giao con chung là Trần Minh Đ, sinh ngày 19/12/2009 cho anh Trần Tuấn A trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục

Chị H, anh A không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau (do hiện tại anh A, chị H không có yêu cầu) và có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung*: Các đương sự xác định tự thỏa thuận chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Vay nợ chung*: Các đương sự không vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị H tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số N^o 0005021 ngày 25/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Hoàn trả cho chị H số tiền chênh lệch là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Anh Trần Tuấn A không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận

- TAND tỉnh TQ;
- VKSND thành phố TQ (2 bản);
- THADS thành phố TQ (để thi hành);
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Tràng Đà (để biết);
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu TA.

THẨM PHÁN

Đào Thị Thu Thủy